

Số: *MT*⁹⁹ /QĐ-ĐHĐT

Đồng Tháp, ngày *27* tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành chương trình đào tạo ngành Quản lý tài nguyên và môi trường

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

Căn cứ Quyết định số 08/2003/QĐ-TTg ngày 10/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường ĐHSP Đồng Tháp nay là Trường Đại học Đồng Tháp;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 28/7/2020 của Hội đồng trường về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp và Nghị quyết số 45/NQ-HĐT ngày 20/10/2021 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Đồng Tháp ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 28/7/2020 của Hội đồng trường;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định Danh mục thống kê các ngành của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 371/QĐ-ĐHĐT ngày 21/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học; trình độ cao đẳng Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Biên bản ngày 16/12/2022 của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo ngành Quản lý tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Biên bản ngày 22/3/2023 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo về thẩm định Đề án mở ngành Quản lý tài nguyên và môi trường, trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành Quản lý tài nguyên và môi trường, mã ngành 7850101, trình độ đại học.

(Có chương trình kèm theo)

Điều 2. Chương trình đào tạo ngành Quản lý tài nguyên và môi trường, trình độ đại học được áp dụng tại Trường Đại học Đồng Tháp kể từ khóa tuyển sinh năm 2023.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa Nông nghiệp và Tài nguyên môi trường, Trưởng các đơn vị và viên chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *h.v.t*

Nơi nhận:

- Vụ GDĐT (để báo cáo);
- BGH (để chỉ đạo thực hiện);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

Hồ Văn Thống

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo quyết định số 1129/QĐ-ĐHDT ngày 27 tháng 3 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

Tên chương trình : Quản lý tài nguyên và môi trường
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Quản lý tài nguyên và môi trường
Khóa đào tạo : 2023

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	GIỜ TÍN		HỌC PHẦN ĐIỀU			TIỀN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Kiến thức giáo dục đại cương			39						
I. Ngoại ngữ			5						
1	GE4410	Tiếng Anh 1	3	45	0				1
2	GE4411	Tiếng Anh 2	2	30	0		GE4410		2
II. Giáo dục quốc phòng			11						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0				1
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh	2	30	0		GE4165		2
3	GE4166	Quân sự chung	2	14	16		GE4165		3
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	4	4	56		GE4165		4
III. Giáo dục thể chất			3						
1. Học phần thể chất bắt buộc			2						
1	GE4306	Giáo dục thể chất 1	1	0	30				1
2	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)	1	0	30		GE4306		2
2. Học phần thể chất tự chọn			1						
1	GE4335	Bóng đá	1	0	30		GE4306		3
2	GE4336	Bóng chuyền	1	0	30		GE4306		3
3	GE4337	Cầu lông	1	0	30		GE4306		3
4	GE4338	Võ thuật Vovinam	1	0	30		GE4306		3
5	GE4339	Võ thuật Karatedo	1	0	30		GE4306		3
6	GE4340	Cờ vua	1	0	30		GE4306		3
7	GE4341	Bóng bàn	1	0	30		GE4306		3
8	GE4342	Bóng ném	1	0	30		GE4306		3
9	GE4343	Bóng rổ	1	0	30		GE4306		3
10	GE4344	Quần vợt (Tennis)	1	0	30		GE4306		3
IV. Đại cương chung			20						
1. Học phần đại cương bắt buộc			14						

1	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45	0				1
2	RE4501	Nhập môn ngành Quản lý tài nguyên và môi trường	1	15	0				1
3	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	0		GE4091		2
4	GE4039	Pháp luật Việt Nam đại cương	2	30	0				3
5	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0		GE4092		3
6	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0		GE4092		3
7	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0		GE4093		4
2. Học phần đại cương tự chọn			6	60	0				
1	GE4407	Hình thành và phát triển kỹ năng mềm	2	30	0				1
2	GE4049	Tiếng việt thực hành	2	30	0				1
3	GE4023	Kinh tế học đại cương	2	30	0				4
4	GE4062	Xác suất thống kê	2	30	0				2
5	RE4013N	Sinh học đại cương	3	30	30				2
6	GE4058N	Vật lý đại cương	2	30	0				1
7	RE4008	Hóa phân tích	2	30	0				1
8	RE4008_TH	TT. Hoá phân tích	1	0	30			RE4008	1
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			95						
I. Kiến thức cơ sở ngành			17						
1.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			12						
1	RE4014	Sinh thái học cơ bản	2	25	10				1
2	RE4201	Tài nguyên thiên nhiên	3	35	20				2
3	RE4115	Hoá môi trường	2	30	0				2
4	RE4159	TT. Hoá môi trường	1	0	30			RE4115	2
5	RE4040	Phương pháp nghiên cứu khoa học tài nguyên và môi trường	2	25	10				3
6	RE4270	Luật và chính sách tài nguyên và môi trường	2	30	0				4
1.2 Kiến thức cơ sở ngành tự chọn			5						
1	RE4002	Cơ sở khoa học môi trường	2	25	10				1
2	RE4272	Khí tượng thuỷ văn - QLMT	2	25	10				2
3	RE4271	Anh văn chuyên ngành tài nguyên và môi trường	3	45	0				3
4	RE4162	Vi sinh môi trường	3	30	30				3
II. Kiến thức chuyên ngành			55						
1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			37						
1.1. Quản lý tài nguyên			19						
1	RE4273	Quản lý tài nguyên nước	2	30	0		RE4201		3

2	RE4274	Quản lý tài nguyên đất đai	2	25	10		RE4201		3
3	RE4275	Quản lý tài nguyên rừng và đa dạng sinh học	3	35	20		RE4201		3
4	RE4276	Quản lý đất ngập nước	2	25	10		RE4201		4
5	RE4284	Thủ tục hành chính quản lý tài nguyên và môi trường	3	30	30				4
6	RE4277	Quản lý tài nguyên khoáng sản	2	30	0		RE4201		5
7	RE4278	Quản lý tài nguyên thích ứng với biến đổi khí hậu	2	25	10		RE4201		6
8	RE4280	Ứng dụng tin học trong Quản lý tài nguyên & môi trường	3	30	30		GE4062		6
1.2. Quản lý môi trường			18						
1	RE4281	Quản lý môi trường công nghiệp	2	25	10				4
2	RE4282	Quản lý và xử lý nước thải	3	30	30				4
3	RE4216N	Quan trắc và đánh giá môi trường đất, nước và không khí	3	30	30				5
4	RE4136N	Quản lý và xử lý chất thải rắn	3	35	20				5
5	RE4139	Quy hoạch môi trường	2	20	20				6
6	RE4108	Đánh giá tác động môi trường (ĐTM)	3	30	30				6
7	RE4116	Kinh tế tài nguyên và môi trường	2	25	10		RE4201		7
2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			18						
1	RE4283	Phương pháp phân tích hệ thống môi trường	2	25	10				4
2	RE4288	Kiểm soát ô nhiễm không khí và tiếng ồn	2	20	20				4
3	RE4144N	Sinh vật chỉ thị môi trường	2	20	20				4
4	RE4167	Quản lý môi trường đô thị và khu công nghiệp	2	25	10				5
5	RE4231	Thủ tục hành chính trong quản lý đất đai	2	25	10		RE4274		5
6	RE4286	Quản lý môi trường nông nghiệp và nông thôn	2	25	10				5
7	RE4184N	Hệ thống ISO trong quản lý môi trường	3	40	10				5
8	RE4135	Quản lý và tái sử dụng chất thải hữu cơ	2	20	20				6
9	RE4287	Quản lý và xử lý chất thải nguy hại	2	25	10				6
10	RE4285	Quy hoạch và sử dụng tài nguyên bền vững	3	30	30				6
11	RE4279	Quản lý tổng hợp lưu vực sông	2	25	10				7
12	RE4306	Luật và chính sách bảo hộ lao động	3	40	10				7

13	RE4247	Quản lý và vận hành công trình môi trường	2	20	20				7
IV. Kiến thức bổ trợ			3						
1	RE4441	Khởi nghiệp Quản lý tài nguyên và môi trường	2	30	0				7
2	RE4442	Kỹ năng tìm kiếm việc làm Quản lý tài nguyên và môi trường	1	15	0				7
V. Thực hành thực tập nghề nghiệp			14						
1	RE4491	Thực tập cơ sở	6	5	170				6
2	RE4402N	Thực tập tốt nghiệp QLTNMT	8	5	230				8
VI. Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6						
1. Khóa luận tốt nghiệp			6						
1	RE4297	Khóa luận tốt nghiệp	6	5	170				8
2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp			6						
1	RE4412	Đồ án quản lý tài nguyên	3	5	80				8
2	RE4217N	Độc học và sức khỏe môi trường	3	40	10				8
Tổng số TCTL			134	1793	1802				

